

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 38 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kiên Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

### **BÁO CÁO**

**Về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 (bổ sung Báo cáo số 420/BC-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022)**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13993/BTC-TTr ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2021 và báo cáo theo yêu cầu của Đoàn giám sát của Quốc hội.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, UBND tỉnh Kiên Giang đã có Báo cáo số 420/BC-UBND gửi Bộ Tài chính (kèm theo bản photo Báo cáo). Theo đó, số liệu Báo cáo số 420/BC-UBND của địa phương tổng hợp đến cuối tháng 10/2021.

Thực hiện Công văn số 13993/BTC-TTr ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Kiên Giang xin báo cáo bổ sung số liệu đến 31/12/2021 như sau (Báo cáo này chỉ bổ sung những số liệu thay đổi, các nội dung khác theo Báo cáo số 420/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021).

**I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN THPT, CLP**

## **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định pháp luật về THPT, CLP**

Thực hiện Công văn số 07/ĐGS-TCNS ngày 01/10/2021 của Đoàn giám sát của Quốc hội về việc báo cáo Đoàn giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 23/11/2021 về thực hiện báo cáo phục vụ Đoàn giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2022 của Quốc hội.

## **2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPT, CLP**

Năm 2021, Thanh tra các cấp, các ngành đã xây dựng kế hoạch với 140 cuộc thanh tra, bao gồm 86 cuộc thanh tra hành chính, 54 cuộc thanh tra chuyên ngành. Tuy nhiên do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thực hiện chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh, một số cơ quan, đơn vị đã điều chỉnh giảm 44 cuộc thanh tra, kiểm tra, hiện còn 96 cuộc (67 cuộc hành chính; 29 cuộc chuyên ngành). Trong năm, đã triển khai và kết thúc 124 cuộc (hành chính 78; chuyên ngành 46).

- Thanh tra hành chính: đã triển khai 78 cuộc (kế hoạch: 67/67, đạt 100%; đột xuất: 11), kết thúc 64 cuộc. Qua thanh tra phát hiện sai phạm là 22.535 triệu đồng, 58.942 m<sup>2</sup> đất; kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước 14.646 triệu đồng (đã thu 13.897/14.646 triệu đồng, đạt 94,89%), thu hồi giao địa phương quản lý 4.172 m<sup>2</sup> đất; xử lý khác 7.889 triệu đồng và 32.235 m<sup>2</sup> đất. Xử lý hành chính đối với 72 tập thể, 216 cá nhân và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 02 vụ việc với 07 đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

- Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: 46 cuộc. Trong đó: theo kế hoạch: 29/29 cuộc, đạt 100%, đột xuất: 09 và 08 cuộc thường xuyên. Đã kết thúc: 42 cuộc, đối với 1.111 tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra phát hiện 590 tổ chức, cá nhân vi phạm, kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước 76,4 triệu đồng, ban hành 83 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 2.710 triệu đồng (đối với 50 tổ chức, 33 cá nhân).

- Tình hình khiếu nại, tố cáo: từ đầu năm đến nay, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, số lượng đơn toàn tỉnh giảm 55,20% so với cùng kỳ năm trước (giảm 244 đơn, trong đó: khiếu nại giảm 238 đơn, tố cáo giảm 06 đơn). Nội dung khiếu nại, chủ yếu liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; việc tranh chấp đất đai; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ... Về nội dung tố cáo, chủ yếu tố cáo hành vi

của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ; việc thực hiện chính sách người có công, ...

## II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC

### 1. Việc ban hành thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ THTK, CLP

Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 23 Nghị quyết và 09 Quyết định<sup>1</sup> về định mức, tiêu chuẩn, chế độ, chính sách.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 536/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 537/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 538/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nhiệm vụ chi và định mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 539/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 549/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 567/2021/NQ-HĐND ngày 18/03/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2016 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 01/07/2021 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ cho lực lượng làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm soát phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với ấp (khu) đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 Quy định chế độ hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn và ở ấp, khu phố thời việc do sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 Quy định mức thu hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức tiền công thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Phân cấp thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm học 2021 - 2022; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

11/11/2021

## **2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước**

### **2.1. Giao dự toán ngân sách**

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2021 đúng Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo đúng thời gian quy định<sup>2</sup>. Việc lập, phân bổ dự toán ngân sách bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên với tổng số tiết kiệm là 369,866 tỷ đồng (trong đó: số tiết kiệm chi thường xuyên đầu năm Trung ương giao là 252,191 tỷ đồng, tiết kiệm chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2021 để chi nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 là 117,675 tỷ đồng).

Công tác thẩm định bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu và chi các nhiệm vụ phát sinh cho các đơn vị được thực hiện trình tự đúng quy định, trong năm các đơn vị trình đề nghị bổ sung 1.226,202 tỷ đồng<sup>3</sup>, sau khi rà soát về chế độ, định mức thẩm định lại 1.049,360 tỷ đồng, không chấp nhận bổ sung 176,842 tỷ đồng.

### **2.2. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí**

---

Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021; Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 30/03/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 15/04/2021<sup>1</sup> Quy định tiêu chí đặc thù về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 24/06/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 24/06/2021 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh quy định điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022; Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 Quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

<sup>2</sup> Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với các huyện, thành phố.

<sup>3</sup> Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và mua thẻ bảo hiểm y tế, kinh phí quản lý và bảo trì đường bộ, kinh phí mua sắm thiết bị vật tư hóa chất y tế phòng Covid-19, kinh phí huấn luyện và trang phục dân quân tự vệ, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí thực hiện dự san quy hoạch...

Đối với các cơ quan hành chính<sup>4</sup>: toàn tỉnh có 473/473 cơ quan hành chính thực hiện. Số cơ quan tiết kiệm được tăng thu nhập là 154/473 cơ quan với tổng số tiền tiết kiệm được 19,770 tỷ đồng. Cụ thể, cấp tỉnh có 21/45 cơ quan tiết kiệm được tăng thu nhập với tổng số tiền là 7,073 tỷ đồng (bình quân 745.000 đồng/người/tháng); cấp huyện, thành phố có 133/428 đơn vị tiết kiệm tăng thu nhập với tổng số tiền là 12,697 tỷ đồng (bình quân 495.000 đồng/người/tháng).

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>5</sup>: toàn tỉnh đã có 812/812 đơn vị sự nghiệp tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ quản lý tài chính. Toàn tỉnh có 583/812 đơn vị tiết kiệm được tăng thu nhập, với tổng số tiền tiết kiệm là 44,939 tỷ đồng, cụ thể cấp tỉnh 17/126 đơn vị, cấp huyện có 526/686 đơn vị tiết kiệm được tăng thu nhập lần lượt là 16,55 tỷ đồng (bình quân 1,691 triệu đồng/người/tháng) và 28,389 tỷ đồng (bình quân 597.000 đồng/người/tháng).

### **3. THPT, CLP trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh, đồng thời đề ra các giải pháp trọng tâm, cụ thể để trực tiếp xử lý những vướng mắc và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn cho các dự án, kết quả thực hiện tính đến 31/01/2022 như sau:

- Công tác giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Kiên Giang: tính đến ngày 15/01/2022, giá trị giải ngân cho các dự án là 3.436,876/5.247,827 tỷ đồng, đạt 65,49% so với kế hoạch. Cụ thể: nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương 358,758 tỷ đồng, đạt 35,19%; nguồn vốn xổ số kiến thiết 1.348,669 tỷ đồng, đạt 83,77%; nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu 918,7631 tỷ đồng, đạt 72,38%. Ước thực hiện giá trị giải ngân đến 31/01/2022 đạt 84% kế hoạch vốn<sup>6</sup>. Nguồn vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 tổng số 229,645 tỷ đồng, lũy kế số giải ngân đến ngày 15/01/2022 là 132,613 tỷ đồng, đạt 57,75% so với số vốn kéo dài được duyệt.

<sup>4</sup> Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

<sup>5</sup> Triển khai thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập)

<sup>6</sup> Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND tỉnh về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021

- Đã phê duyệt quyết toán hoàn thành 1.376 công trình, hạng mục công trình (cấp tỉnh 154, cấp huyện, thành phố 1.222) với giá trị đề nghị quyết toán 4.880,082 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt 4.832,860 tỷ đồng, qua thẩm tra loại bỏ khỏi giá trị quyết toán các khoản chi sai tiêu chuẩn, định mức, chế độ là 47,222 tỷ đồng (cấp tỉnh 41,456 tỷ đồng, cấp huyện 5,766 tỷ đồng), tỷ lệ giảm 0,97%.

- Công tác tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh và cấp huyện, thành phố đã thực hiện 1.024 gói tổng giá trị gói thầu 1.960 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu 1.885 tỷ đồng, giá trị tiết kiệm so với gói thầu được duyệt 75 tỷ đồng, tỷ lệ giảm thầu 3,83%.

- Lĩnh vực cấp phép, thu hồi dự án: toàn tỉnh đã cấp mới quyết định chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 22 dự án, với quy mô 100,17 ha, tổng vốn đầu tư 3.382,72 tỷ đồng; cấp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư 95 dự án, tổng vốn điều chỉnh tăng 123,715 tỷ đồng; thực hiện góp vốn mua cổ phần cho 25 nhà đầu tư, với tổng vốn góp 65 tỷ đồng. Đã ban hành quyết định phê duyệt danh mục kêu gọi đầu tư các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025). Đã thực hiện 03 cuộc kiểm tra dự án đầu tư ngoài ngân sách, với tổng số 31 dự án, trong đó: xử phạt vi phạm hành chính 12/31 dự án, với tổng số tiền xử phạt khoảng 250 triệu đồng.

#### **4. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ của cơ quan tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước**

##### **Tình hình mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công**

- Đã thẩm định 132 hồ sơ kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm với số tiền là 226.741 triệu đồng.

- Tổ chức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm 19 xe ô tô với tổng dự toán 13.625 triệu đồng, giá trúng thầu 13.151,70 triệu đồng, giá trị giảm giá so với dự toán 473,30 triệu đồng, tỷ lệ giảm 3,473%.

- Tổ chức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở dữ liệu về giá với tổng dự toán 2.883,491 triệu đồng, giá trúng thầu 2.883 triệu đồng, giá trị giảm giá so với dự toán 491.000 đồng, tỷ lệ 0,017 %.



## **5. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản**

### **5.1. Lĩnh vực đất đai**

Trong năm xử lý 178/243 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Thực hiện định giá đất 80/125 hồ sơ.

### **5.2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**

\* Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản

Trong năm, đã cấp 54 giấy phép tài nguyên nước<sup>7</sup>, phê duyệt 17 công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước với tổng số tiền 2.607,831 tỷ đồng.

\* Lĩnh vực quản lý tài nguyên đất rừng

Trong năm trồng rừng mới 812 ha (trong đó rừng phòng hộ 268 ha, rừng sản xuất 544 ha) và trồng cây phân tán 28.700 cây, đạt 114,8% so với kế hoạch. Khai thác rừng trồng có 3 đơn vị và 97 hộ với diện tích thực hiện 192,51 ha, trữ lượng 7.342,9 ha, bình quân đạt 38,14m<sup>3</sup>/ha, tổng giá trị khai thác khoảng 6,2 tỷ đồng. Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 12%.

Xây dựng hoàn thành Đề án trồng 01 tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 11/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đề án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Công tác bảo vệ rừng, tuần tra kiểm tra luôn được chú trọng, toàn lực lượng tổ chức 1.690 cuộc tuần tra, truy quét với 5.908 lượt người tham gia. Qua công tác tuần tra, truy quét đã phát hiện và lập biên bản 120 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp và đã xử lý vi phạm hành chính 117 vụ vi phạm, số tiền phạt vi phạm hành chính là 991,50 triệu đồng (đã nộp ngân sách 237 triệu đồng).

## **6. THPTK, CLP trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước**

- Tổ chức bộ máy hành chính: trong năm đã rà soát điều chỉnh, sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện, giảm được 68/364 đơn vị, trong đó giảm 44/175 phòng chuyên môn cấp tỉnh và 24/189 phòng chuyên môn cấp huyện, cơ cấu tổ chức chức năng nhiệm vụ của từng ngành phù hợp theo quy định.

<sup>7</sup> Trong đó: 06 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, 01 giấy phép khai thác, sử dụng nước biển phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, 08 Giấy hạn giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất, 01 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 38 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.



- Tổ chức bộ máy sự nghiệp: trong giai đoạn 2015 đến nay tỉnh đã sắp xếp sáp nhập, hợp nhất, giảm 107/1.000 đầu mỗi đơn vị sự nghiệp, đạt 10,7% so với kế hoạch.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Những tồn tại, hạn chế: tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn thấp, chỉ đạt 84%; công tác quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước có tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn chậm.

Trên đây là báo cáo bổ sung công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Bộ Tài chính. / *uuu*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh ;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhàn

